

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 361/2025/DS-PT

Ngày: 24-7-2025

“Tranh chấp quyền sử dụng đất;
đòi tài sản và yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

- Bà Phạm Thị Thanh Giang;
- Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 666/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Đoàn Công T, sinh năm 1962; địa chỉ: số nhà B, hẻm S, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có mặt;

2. Bà Đoàn Thị Hồng H, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

3. Ông Đoàn Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là L, tỉnh Tây Ninh); có mặt;

4. Bà Đoàn Thị Kiều N, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có mặt;

5. Ông Đoàn Mạnh K, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

6. Bà Đoàn My N1, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Ông T, bà H, ông P, bà Kiều N, ông K, bà My N1 ủy quyền cho bà Lê Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà D đường số A - T, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh); theo hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng số công chứng: 3563, quyền số: 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07-10-2023 tại Văn phòng C; có mặt.

Bị đơn:

1. Chị Huỳnh Thị Ngọc H1, sinh năm 1994; địa chỉ: số nhà H, hẻm A đường H, khu phố H, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có mặt;

2. Bà Huỳnh Thị Hồng K1, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà H, hẻm A đường H, khu phố H, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là một phần trong diện tích đất do cụ bà ngoại Đặng Thị T1 (đã chết) tạo lập, để lại. Ngày 29-3- 1994, cụ bà Huỳnh Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) diện tích 764 m², thửa số 981, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Cụ T1 có 02 người con là Huỳnh Thị Ú và Huỳnh Thị Ngọc S.

Bà Huỳnh Thị Ú (chết năm 2020), có chồng là ông Đoàn Văn D1 (chết năm 2004). Bà Ú, ông D1 có 06 người gồm: Đoàn Công T; Đoàn Thị Hồng H; Đoàn Văn P; Đoàn Thị Kiều N; Đoàn Mạnh K; Đoàn My N1.

Bà Ú ở trên đất này cùng cụ T1. Đến năm 1973, chồng bà S chết nên bà S về ở kế bên nhà bà Ú; bà S sử dụng diện tích đất ngang 4 m X dài hết đất (đất có 03 mặt giáp đường và 01 mặt giáp nhà bà Ú).

Năm 2007, bà Ú phá bỏ nhà cũ, xây cất lại nhà mới có xê dịch ngang khoảng 01 m theo hướng từ đông sang tây và hiện trạng nền nhà đất cũ vẫn còn và sử dụng đến nay. Sau đó bà Ú lập hợp đồng tặng cho bà S diện tích đất tại vị trí căn nhà tạm bà S đang ở, không đo đạc diện tích đất cụ thể; năm 2008, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Năm 2020, bà S chết, đất này bà S đã chuyển QSDĐ cho bà Huỳnh Thị Hồng K1 (con bà S) và chị Huỳnh Thị Ngọc H1 (cháu ngoại bà S) cùng đứng tên GCNQSDĐ, với diện tích đất 142 m², thửa 699, tờ bản đồ số 9, cấp ngày 30-6-2023.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng K1 và chị Huỳnh Thị Ngọc H1 trả lại diện tích đất tranh chấp ngang 1 m X dài (cạnh thứ nhất: 28,96m và cạnh thứ hai: 28,8m); trị giá đất này là 200.000.000 đồng/mét ngang (giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như hiện nay).

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng K1 và chị Huỳnh Thị Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại (bà S) trả 11 chỉ vàng 24 kara cho những người thừa kế theo pháp luật của cụ bà Huỳnh Thị Ú (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 289/HGT ngày 06-12-1997 bà S phải trả cho bà Ú 11 chỉ vàng 24 kara).

Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H1 trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất.

Năm 1997, bà ngoại của chị là bà Huỳnh Thị Ngọc S có khởi kiện bà Huỳnh Thị Ú tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, đề tranh chấp diện tích đất 142 m². Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã công nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc S được hưởng phần diện tích 142 m² (trong đó có diện tích đất tranh chấp) và bà S có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ú 11 chỉ vàng 24k. Đến ngày 20-5-2008, bà Huỳnh Thị Ú đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Ngọc S với diện tích 142 m² (trong đó diện tích đất ở đô thị 62,5m² và cây lâu năm 79,5m²); đến ngày 11-8-2008 bà Huỳnh Thị Ngọc S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020, bà S chết không để lại di chúc.

Ngày 05-5-2023, các con của bà S lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại văn phòng C. Các con của bà S gồm: Huỳnh Văn T2; Huỳnh Thị Bạch T3; Huỳnh Thị Hồng K1; Huỳnh Thị Ngọc D2; Huỳnh Thị Bạch P1 và Huỳnh Thị Ngọc H1 (cháu ngoại bà S) thống nhất về người thừa kế theo pháp luật của cụ bà Huỳnh Thị Ngọc S.

Chị Huỳnh Thị Ngọc H1 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số DL 987442; số vào sổ cấp GCN: VP 11902 ngày 30-6-2023, với diện tích 142 m², thửa số 699, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ, chị H1 mới biết bà Huỳnh Thị Ú và các con bà Ú xây nhà năm 2007 lấn chiếm đất của bà S với diện tích ngang khoảng 1 m, X dài (cạnh thứ nhất 28,96 m và cạnh thứ hai 28,8m).

Nay chị Huỳnh Thị Ngọc H1 yêu cầu buộc các con của bà Huỳnh Thị Ú di dời nhà, cây trồng để trả lại diện tích 21,5m² đất lấn chiếm. Chị H1 không đồng ý hỗ trợ tiền di dời nhà và cây trồng trên đất đang tranh chấp.

Nguyên đơn yêu cầu trả 11 (Mười một) chỉ vàng 24 kara, chị H1 không đồng ý; vì bà S phải trả vàng rồi thì bà Ú mới giao đất.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng K1 trình bày: Bà thống nhất với ý kiến chị H1.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 188/2024/DS-ST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T về việc đòi tài sản là 11 chỉ vàng 24 kara.

Ông Đoàn Công T; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 không được khởi kiện lại yêu cầu (đòi 11 chỉ vàng 24 kara) này.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H1 đối với ông Đoàn Công T; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 về việc tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” diện tích 21,5m².

Buộc ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1 số tiền 210.000.000 đồng.

Ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 được quyền sử dụng diện tích đất 21,5 m², tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

- + Đông giáp thửa 699 (đường nhựa) dài 16,35m + 12,46m = 28,8m;
- + Tây giáp thửa 367 dài 16,47m + 12,46m = 28,93m;
- + Nam giáp đường nhựa dài 0,75m;
- + Bắc giáp đường 10m dài 0,75m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11-10-2024, nguyên đơn ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp có đơn kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Tại phiên toà, do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu đơn kháng: yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận cho nguyên đơn được sử dụng 21,5 m² đất tranh chấp, không phải trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn, vì đây là đất của nguyên đơn thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả 11 chỉ vàng 24kara; nếu bị đơn không đồng ý thì yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 11-10-2024, bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H1 có đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn trả lại đất lấn chiếm, không đồng ý nhận bằng tiền giá trị quyền sử dụng đất.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H1; sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” diện tích 21,5m² đất nêu trên, đối với chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H1 đối với ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 về việc tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” diện tích 21,5m² đất nêu trên.

2.1. Ông Đoàn Công T4, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 được quyền sử dụng diện tích đất 21,5 m², tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất.

2.2. Buộc ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1 số tiền 210.000.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà

Đoàn My N1 về việc “Tranh chấp đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” đối với chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1.

3.1. Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Hồng K1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn My N1 11 chỉ vàng 24 kara.

Buộc các đương sự chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn ông Đoàn Công T; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn My N1 do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp có đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H1 kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn trả lại đất lấn chiếm, không đồng ý nhận bằng tiền giá trị quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. *Xét yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp; qua đo đạc, thẩm định: phần đất tranh chấp 21,5m²; trên đất tranh chấp có 01 phần căn nhà cấp 4 của bà Ú xây dựng năm 2007.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã công nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc S được hưởng phần diện tích 142 m² và bà S có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ú 11 chỉ vàng 24k.

Tại Công văn số 214 ngày 12-3-2024; số 647 ngày 29-8-2024 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành và Công văn số 1186/CCTHADS ngày 09-9-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, thể hiện: “...Chi cục Thi hành án dân sự không có thụ lý thi hành 02 nội dung nêu trên theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành...”.

Đến ngày 20-5-2008, bà Huỳnh Thị Ú đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Ngọc S với diện tích 142 m², thửa 699, bản đồ số 9; đến ngày 11-8-2008 bà Huỳnh Thị Ngọc S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất tranh chấp này là một phần diện tích đất 142 m², thửa 699, bản đồ số 9, bà S được cấp giấy đất. Đồng thời, xét về nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ bà Ú, bà S để lại và bà S đã ở trên đất này từ 1973. Đến 1997,

bà Ú và bà S phát sinh tranh chấp và tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành đã công nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc S được hưởng phần diện tích 142 m² (trong đó có diện tích 21,5 m² đất tranh chấp) và đến năm 2008 bà S được cấp giấy CNQSDĐ diện tích 142 m². Do bà Ú xây nhà kiên cố trên đất nên cấp sơ thẩm giao đất tranh chấp cho nguyên đơn được quản lý sử dụng và buộc nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bị đơn bằng tiền giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp, cần giữ nguyên; nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

2.2. Xét yêu cầu về đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại: nguyên đơn yêu cầu bà K1, chị H1 liên đới thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết là bà S chết để lại. Cụ thể giao trả 11 chỉ vàng 24K theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành; vì bà S để lại di sản thừa kế là diện tích đất nêu trên cho bà K1, chị H1.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “đòi tài sản” và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do vụ việc đã được giải quyết bằng Quyết định 289/HGT ngày 06-12-1997 là chưa đúng pháp luật. Cần xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” và giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật; tại phiên toà phúc thẩm người đại diện hợp cho nguyên đơn trình bày việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; do đó thấy không cần thiết huỷ án sơ thẩm.

Tại Quyết định 289/HGT ngày 06-12-1997 đã công nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc S được hưởng phần diện tích đất 142 m² (trong đó có diện tích 21,5 m² đất tranh chấp) và bà S có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ú 11 chỉ vàng 24k.

Tại Công văn số 214 ngày 12-3-2024; số 647 ngày 29-8-2024 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành và Công văn số 1186/CCTHADS ngày 09-9-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, thể hiện: “....Chi cục Thi hành án dân sự không có thụ lý thi hành 02 nội dung nêu trên theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 289/HGT ngày 06-12-1997 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành...”.

Chị H1, bà K1 là người nhận tài sản của bà S là diện tích đất 142 m² theo quyết định nêu trên, yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ giao đủ diện tích đất 142 m² (trong đó có 21,5 m² đất tranh chấp và không đồng ý trả 11 chỉ vàng 24Kara cho các đồng thừa kế của bà Ú, nhưng không chứng minh được việc bà S đã trả 11 chỉ vàng 24Kara nêu trên; nên sửa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị H1 và bà K1 thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết là bà S chết để lại; cụ thể buộc chị H1 và bà K1 thanh toán trả cho các đồng nguyên đơn số tiền giá trị 11 chỉ vàng 24K (theo bị đơn bà K1, chị H1 xác định tại thời điểm xét xử là 11.000.000 đồng/chỉ vàng 24kara; bà D là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định tại thời điểm xét xử là

10.500.000 đồng/chỉ vàng 24kara; nên xác định giá theo nguyên đơn là: 10.500.000 đồng/chỉ vàng 24kara X 11 = 115.500.000 đồng) chị H1 và bà K1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền này trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Ngọc S chết để lại.

3. Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo các nguyên đơn ông Đoàn Công T4, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn My N1 do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H1; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà; sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần điều chỉnh lại tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Riêng bị đơn chị H1 không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, ông Đoàn Công T, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Hồng H2, đều là người cao tuổi nên miễn nộp án phí dân sự, phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc H1; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Công T4; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn My N1 do bà Lê Thị D là người đại diện hợp pháp.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 175; Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 99, Điều 166, Điều 167, Điều 170 và Điều 188 của Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 đối với chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” diện tích 21,5m² đất nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H1 đối với ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 về việc tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” diện tích 21,5m² đất nêu trên.

3. Ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 được quyền sử dụng diện tích đất 21,5 m², tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

- + Đông giáp thửa 699 (đường nhựa) dài 16,35m + 12,46m = 28,8m;
- + Tây giáp thửa 367 dài 16,47m + 12,46m = 28,93m;
- + Nam giáp đường nhựa dài 0,75m;
- + Bắc giáp đường 10m dài 0,75m.

(có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

3.1. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục để được điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai theo quyết định của bản án này và phải đảm bảo diện tích đất tối thiểu của thửa đất.

3.2. Buộc ông Đoàn Công T; bà Đoàn Thị Hồng H; ông Đoàn Văn P; bà Đoàn Thị Kiều N; ông Đoàn Mạnh K; bà Đoàn Mỹ N1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1 số tiền 210.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” đối với chị Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Hồng K1.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Hồng K1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 (trị giá 11 chỉ vàng 24 kara tại thời điểm xét xử) số tiền 115.500.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Ngọc S chết để lại.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 phải chịu 18.792.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn đã tạm nộp chi phí tố tụng và đã chi phí xong.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Ông Đoàn Công T, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Hồng H2 được miễn tiền án phí.

6.2. Bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí các nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002008 ngày 03-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn thừa lại được hoàn trả cho các nguyên đơn.

6.3. Chị Huỳnh Thị Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Hồng K1 phải chịu 6.075.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Ngọc S chết để lại. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002686 ngày 17-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

7.1 ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả 300.000 đồng cho ông Đoàn Công T, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị Kiều N, ông Đoàn Mạnh K, bà Đoàn Mỹ N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003424 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

7.2 Chị Huỳnh Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003415 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TPHCM;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 10, Tây Ninh;
- THADS khu vực 10, Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn